

BẢN SẮC VĂN HÓA TRUNG HOA VÀ VIỆT NAM QUA SỰ SO SÁNH TRONG CÁCH BÀI TRÍ CUNG ĐIỆN BẮC KINH VÀ CUNG ĐIỆN HUẾ

PHAN THANH HẢI*

Xưa nay, Trung Hoa vẫn được xem là một trong những trung tâm văn minh của thế giới. Từ cái nôi văn hóa Hoa Hạ có đến 5.000 năm liên tục phát triển, Văn minh Trung Hoa đã có những đóng góp to lớn cho sự phát triển chung của nền văn minh nhân loại. Riêng đối với các nước trong vùng văn hóa Nho giáo, một khu vực rộng lớn với tổng dân số luôn chiếm khoảng 1/4 dân số thế giới, gồm 4 nước Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản và Triều Tiên, dấu ấn của nền văn minh ấy lại càng rõ nét. Trong suốt quá trình phát triển của lịch sử, văn hóa của các nước trong vùng văn hóa Nho giáo này luôn thể hiện rất nhiều nét tương đồng.

Là quốc gia ở bên cạnh Trung Quốc, Việt Nam là nước chịu ảnh hưởng của Văn minh Trung Hoa nhiều nhất và vì thế sự gần gũi, tương đồng trong văn hóa của hai dân tộc Việt-Hoa cũng thể hiện rõ ràng, phong phú hơn cả.

Nhưng có điều là, tuy chịu ảnh hưởng sâu sắc của Văn minh Trung Hoa, của văn hóa Hán nhưng Việt Nam lại chưa bao giờ bị đồng hóa về văn hóa mà trái lại, nền văn hóa ấy luôn có một bản sắc riêng-bản sắc

Việt, với sức bền bỉ và khả năng hấp thu, giao thoa thật diệu kỳ!

Trong bài viết này, chúng tôi muốn dùng kết quả của việc phân tích, so sánh cách bài trí và bố cục cung điện Trung Hoa (Bắc Kinh thời Minh, Thanh) với cung điện Việt Nam (Huế thời Nguyễn) để chứng minh cho nhận định trên. Sự so sánh của chúng tôi có thể còn phiến diện nhưng hi vọng độc giả quan tâm và tiếp tục suy nghĩ, chiêm nghiệm về vấn đề này.

Có thể nói, kiến trúc là một trong những biểu hiện tiêu biểu của nền văn minh vật chất và văn minh tinh thần của con người, bởi nó là sản phẩm của sự ứng xử của con người trước môi trường sống, là phương thức con người kiến tạo không gian sống (bao gồm cả việc cư trú, sinh hoạt, tín ngưỡng, giải trí...) cho mình. Bởi vậy, kiến trúc cũng phản ánh rất rõ trình độ văn hóa, bản sắc văn hóa của một cộng đồng người, của một dân tộc. Trong suốt chiều dài lịch sử của chế độ quân chủ, kiến trúc cung điện chính là đỉnh cao, là tinh hoa của ngành kiến trúc, bởi đây chính là nơi hội tụ tài năng trí tuệ của hầu như cả một dân tộc. Ở các nước theo chế độ quân chủ

* Th.S. Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế

chuyên chế ở phương Đông, điều này càng được thể hiện rõ nét.

Bắc Kinh và Huế đều là những kinh đô điển hình của phương Đông, cả hai đều được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa thế giới. Sự tương đồng, dị biệt giữa hai kinh đô cũng thể hiện một cách cô đọng sự tương đồng và dị biệt giữa hai nền văn hóa Hán, Việt.

I. Tổng quan về hai kinh đô

Cố cung Bắc Kinh hiện nay thực ra chỉ là phần trung tâm, là "cái lõi" của kinh đô Bắc Kinh dưới triều Minh và triều Thanh, tựa như Hoàng thành và Tử Cấm thành, Huế là trung tâm của Kinh đô Huế vậy. Theo "Trung Quốc Bách khoa toàn thư", Kinh đô Bắc Kinh được bắt đầu xây dựng từ năm Vĩnh Lạc thứ 4 triều Minh (1406) trên cơ sở cải tạo lại Nguyên Đại đô (kinh đô đời Nguyên). Đến năm Vĩnh Lạc thứ 18 (1420) thì việc xây dựng cơ bản hoàn thành. Trong năm ấy triều Minh mới chính thức dời đô từ Nam Kinh về Bắc Kinh (1) đến nay đã 577 năm lịch sử, có 14 vị hoàng đế đời Minh và 10 vị hoàng đế đời Thanh lần lượt lên ngôi chấp chính ở đây.

Kinh đô Bắc Kinh lúc này gồm ba lớp thành lồng vào nhau là: Đô thành, Hoàng thành, Tử Cấm thành. Vòng Đô thành ở ngoài cùng có 9 cửa ra vào, mặt bằng gần như hình chữ nhật bị vát ở góc Tây - Bắc, chu vi 24km. Ba cửa phía Nam: Tiến Môn (chính giữa), Sùng Văn và Tuyên Vũ. Hai cửa phía Bắc: Đức Thắng và An Định. Hai cửa phía Đông: Triều Dương và Đông Trực. Hai cửa phía Tây: Phụ Thành và Tây Trực. Tiếp đến là Hoàng thành, mặt bằng cũng gần như hình chữ nhật bị lõm ở góc Tây - Nam, chu vi là 10,5km. Hoàng Thành có 4 cửa, phía Nam là Thiên An môn (thời Minh gọi là Thừa Thiên môn), phía Bắc là Đại An môn, phía Đông là Đông An môn và phía Tây là Tây An môn.

Trong cùng là vòng Tử Cấm thành, mặt bằng hình chữ nhật, chu vi 3,44km, chính giữa 4 mặt có 4 cửa thành, trên các cửa có xây lầu gác, phía Nam là Ngọ môn, phía Bắc là Thần Vũ môn, phía Đông là Đông Hoa môn và phía Tây là Tây Hoa môn. Về sau triều Minh đã nhiều lần sửa sang tu bổ Kinh đô Bắc Kinh nhưng cấu trúc của 3 lớp thành như trên vẫn không thay đổi. Đến năm Gia Tĩnh thứ 32 (1553), do cư dân trong thành đã tăng lên nhiều, đồng thời do nhu cầu phòng vệ, triều Minh đã cho xây thêm một lớp thành nữa ở phía Nam. Từ đây, vòng Đô thành được gọi là Nội thành, còn lớp thành mới xây gọi là Ngoại thành. Mặt bằng Thành Ngoại cũng gần như hình chữ nhật, nhưng chỉ có 3 cạnh Nam, Đông, Tây là xây mới, còn cạnh phía Bắc chủ yếu vẫn là bờ tường phía Nam của Đô thành. Chiều dài của Thành ngoại (phần xây mới) khoảng 15km. Như vậy Kinh đô Bắc Kinh từ sau năm 1553 có đến 4 lớp thành là Thành Ngoại, Thành Nội, Hoàng thành và Tử Cấm thành. Cấu trúc này được giữ nguyên đến hết đời Thanh.

Triều Nguyễn chắc chắn là có học tập những kinh nghiệm về việc xây dựng Kinh đô Bắc Kinh để xây dựng kinh đô tại Huế, tuy nhiên các ông vua đầu triều Nguyễn đã không áp dụng mà về chi tiết đã thể hiện sự bài trí theo phong cách riêng nguyên xi như Kinh đô Bắc Kinh.

Kinh đô Huế được khởi công xây dựng từ năm Gia Long thứ 3 (1804) và hoàn chỉnh vào năm Minh Mạng thứ 14 (1833). Nó gồm 3 lớp thành lồng vào nhau là Kinh thành (hay Kinh sư), Hoàng thành và Tử Cấm thành. Kinh thành được kiến trúc theo kiểu Vauban (Lăng bảo thành), mặt bằng gần như hình vuông, chu vi xấp xỉ 10km, gồm 10 cửa đường bộ và 2 cửa đường thủy. Phía Nam là các cửa: Thế Nhơn, Quảng Đức,

Đông Nam và Chánh Nam. Phía Bắc là 2 cửa: Chính Bắc và Tây Bắc. Phía Đông có 2 cửa: Chánh Đông, Đông Bắc và một cửa đường thủy là Đông Thành Thủy quan. Phía Tây có 2 cửa: Tây Nam, Chánh Nam và một cửa đường thủy là Tây Thành Thủy quan.

Hoàng thành có mặt bằng hình chữ nhật, chu vi 2,4km (640m x 568m), gồm 4 cửa là: Ngọ môn (phía Nam), Hòa Bình (phía Bắc), Hiến Nhơn (phía Đông) và Chương Đức (phía Tây).

Từ Cấm thành ở trong cùng, mặt bằng hình chữ nhật, có 7 cửa, các mặt Đông-Tây-Bắc, mỗi mặt có 2 cửa, mặt Nam có 1 cửa; quan trọng nhất là Đại Cung môn ở phía Nam. Chu vi Từ Cấm Thành là 1,3km.

Chúng ta có thể trực tiếp so sánh, đối chiếu cấu trúc mặt bằng của hai kinh đô qua các sơ đồ.

II. Mấy nhận xét bước đầu

Căn cứ vào sự bài trí thể hiện qua các sơ đồ và những tư liệu nêu trên, chúng tôi có thể sơ bộ rút ra một số nhận xét như sau:

- Về thời gian xây dựng: Kinh đô Bắc Kinh có trước Kinh đô Huế gần 4 thế kỷ.

- Về không gian xây dựng, quy hoạch: Kinh đô Bắc Kinh nằm giữa đồng bằng rộng lớn của miền Hoa Bắc, khá xa biển, không phải ở bên cạnh sông lớn; còn Kinh đô Huế thì nằm giữa vùng đồng bằng nhỏ hẹp miền Trung, rất gần biển, trước mặt có sông lớn, sau lưng có sông nhánh bao bọc theo kiểu "đô thị giữa hai dòng sông", một mô thức truyền thống của đô thị cổ Việt Nam.

- Về hướng của kinh đô: Hướng của Kinh đô Bắc Kinh là hướng Bắc-Nam (hướng Tý-Ngo), còn hướng của Kinh đô Huế là hướng Tây Bắc-Đông Nam hơi lệch về Nam (hướng Càn-Tốn). Tuy nhiên, theo quan niệm của địa lý phong thủy phương Đông

hướng của Kinh đô Huế vẫn được xem là hướng Nam (2)

- Về cấu trúc của kinh đô: Kinh đô Bắc Kinh có 4 lớp thành, còn kinh đô Huế có 3 lớp thành. Tuy vậy, nếu không tính lớp thành Ngoại thì cấu trúc Kinh đô Huế có nhiều điểm tương đồng với Kinh đô Bắc Kinh, đặc biệt là kiểu 3 lớp thành lồng vào nhau. Một điều thú vị nữa là nếu so sánh tỷ lệ chu vi của lớp thành thứ 3 với chu vi lớp thành trong cùng thì chúng ta được 2 kết quả gần tương tự:

kinh đô Bắc Kinh: $24\text{km}/3,4\text{km} = 7$;
Kinh đô Huế: $10\text{km}/1,3\text{km} = 7,6$

Nếu so sánh chu vi của lớp thành thứ 3 với lớp thành thứ 2 và lớp thành trong cùng của hai kinh đô thì chúng ta sẽ được các tỷ lệ sau:

- Tỷ lệ về chu vi các vòng thành:

+ Kinh đô Bắc Kinh: $1(24\text{km}) - 2(24\text{km}/10,5\text{km}) - 7(24\text{km}/3,4\text{km})$.

+ Kinh đô Huế: $1(10\text{km}) - 4(10\text{km}/2,4) - 7,6(10\text{km}/1,3\text{km})$.

- Tỷ lệ về diện tích giữa Kinh thành và Từ Cấm thành:

+ Kinh đô Bắc Kinh (chỉ tính phần Thành Nội trở vào):

$35,6\text{km}^2/0,72\text{km}^2 = 49,4$

+ Kinh đô Huế: $5,2\text{km}^2/0,36\text{km}^2 = 14,4$

Tất nhiên là các tỷ lệ về chu vi và diện tích trên (1-2-7 với 1-4-7,6 và 1-49,4 với 1-14,4) là các tỷ lệ rất tương đối, nhưng chúng cũng phần nào thể hiện cấu trúc của hai kinh đô. Nhìn vào hai tỷ lệ trên chúng ta thấy cấu trúc 3 lớp thành của Kinh đô Huế có vẻ cân xứng hơn.

- Về mặt kỹ thuật xây dựng: Kinh đô Bắc Kinh hoàn toàn được xây dựng theo kỹ thuật phương Đông truyền thống, còn ở Kinh đô Huế đã thể hiện rõ nét sự kết hợp Đông - Tây trong kiến trúc thành trì. Đó là vòng Kinh thành được xây dựng theo kỹ

thuật Vauban nhưng lại rất hài hòa với hai lớp thành được xây dựng hoàn toàn theo kỹ thuật phương Đông ở bên trong là Hoàng thành và Tử Cấm thành.

- Về sự bố trí cụ thể và vai trò của các khu vực:

Nếu xét về vai trò, chức năng cơ bản thì các kinh đô đều tương tự như nhau. Nó là đô thị trung tâm của quốc gia về mọi mặt, là nơi triều đình và hoàng gia sinh sống và hoạt động. Lớp thành ngoài cùng (Kinh thành, Đô thành) đóng vai trò chủ yếu là phòng thủ về quân sự và ngăn cách kinh đô với bên ngoài. Từ Hoàng thành trở vào là nơi diễn ra các hoạt động chính của triều đình và hoàng gia, trong đó khu vực Tử Cấm thành là nơi dành riêng cho hoàng đế và hoàng gia. Trên đại thể là như vậy, nhưng nếu xem xét cụ thể từng kinh đô thì chúng ta có thể thấy khá rõ sự khác nhau giữa chúng qua việc bố trí các khu vực đó là:

+ Kinh đô Bắc Kinh có đến 2 lớp thành mang chức năng phòng thủ là thành Ngoại và thành Nội; trong khi đó Kinh đô Huế chỉ có một lớp thành (Kinh thành) mà thôi.

+ Thiên Đàn của Bắc Kinh nằm bên trong Kinh đô (bên trong thành Ngoại) còn đàn Nam Giao của Huế nằm ở bên ngoài Kinh thành.

+ Ở Kinh đô Bắc Kinh, Thái Miếu và đàn Xã Tắc nằm đối xứng với nhau ở bên trong Hoàng thành theo nguyên tắc "tả tổ, hữu xã". Còn ở Kinh đô Huế, tại vị trí tương tự hoàn toàn là nơi thờ tổ (có 4 miếu đối xứng với nhau là Triệu Miếu, Thái Miếu và Hưng Miếu, Thế Miếu), đàn Xã Tắc nằm ở bên ngoài Hoàng thành.

+ Kinh đô Bắc Kinh chỉ có một trục (thần đạo) chạy theo hướng Bắc - Nam là trục đối xứng của toàn kinh đô, ngoài ra không có trục phụ nào khác; còn ở Kinh đô

Huế, ngoài trục (thần đạo) của kinh đô chạy theo hướng Tây Bắc-Đông Nam, bên ngoài Kinh thành còn có một trục chạy theo hướng Bắc-Nam, nối từ Kỳ Đài đến đàn Nam Giao. Chính trục thứ hai này cùng với dòng sông Hương đã tạo nên sự liên kết rất chặt chẽ, hài hòa giữa kinh đô với các công trình kiến trúc bên ngoài Kinh thành, nhất là miếu làng tằm của hoàng gia ở phía Tây và Tây-Nam.

+ Ở kinh đô Bắc Kinh, Hoàng thành và Tử Cấm thành nằm dịch lên phía Bắc; còn ở Kinh đô Huế, Hoàng thành lại dịch về phía Nam của kinh đô. Nguyên nhân chính của việc bố trí này là do vấn đề giao thông và phòng thủ (3).

+ Ở Kinh đô Bắc Kinh không hề có một kỳ đài (đài cấm cờ) nào vừa uy nghi vừa độc đáo như kỳ đài của Kinh đô Huế. Hơn nữa, ở Kinh đô Huế, kỳ đài còn đóng vai trò là bình phong của cả khu vực Hoàng thành và Tử Cấm thành.

- Về Hoàng cung Bắc Kinh và Hoàng cung Huế:

Hoàng cung là khu vực quan trọng nhất của kinh đô, là nơi các công trình kiến trúc được bố trí dày đặc theo ý tưởng quy hoạch nhất quán, thể hiện những gì tinh túy nhất của nền kiến trúc dân tộc. Đây cũng chính là khu vực mà từ trước đến nay các nhà nghiên cứu thường dẫn ra những ví dụ để so sánh hai nền kiến trúc Hoa-Việt. Trước hết, để so sánh hai Hoàng cung, chúng ta hãy xem và đối chiếu các sơ đồ mặt bằng dưới đây.

Quan sát hai sơ đồ mặt bằng hai hoàng cung, chúng ta có thể nhận ra ngay, khái niệm về hoàng cung ở Trung Quốc và ở Việt Nam không giống nhau. Ở Trung Quốc, hoàng cung tức là Tử cấm thành, còn ở Kinh đô Huế, Hoàng cung là toàn bộ khu vực từ Hoàng thành trở vào. Như vậy, khái

niệm hoàng cung của Huế rộng hơn. Tuy vậy, nếu phân tích chức năng của các khu vực thì cách bố trí hai hoàng cung có nhiều điểm rất giống nhau:

+ Thứ nhất, Hoàng cung Bắc Kinh được phân chia làm hai khu vực rất rõ là: Ngoại triều-nơi diễn ra các hoạt động có tính chất nghi lễ của hoàng đế và triều đình và nội triều - nơi dành riêng cho các hoạt động của hoàng đế và hoàng tộc, thì ở Hoàng cung Huế cũng có hai khu vực lớn với những chức năng hoàn toàn tương tự, mặc dầu không phân chia, không đặt tên riêng cho hai khu vực này. Dĩ nhiên, trong khu vực ngoại triều của Hoàng cung Huế cũng có những nét riêng, như có thêm 4 tòa miếu thờ tổ bố trí đối xứng với nhau ở hai bên ngoài, hoặc khu vực điện Càn chánh (vốn trước là điện Trung Hòa) được đặt lùi vào trong Tử Cấm thành và có đến 4 tòa điện khác vây quanh là Tả Vu, Hữu Vu, điện Văn Minh và điện Võ Hiển...

+ Thứ hai, từ tên gọi cho đến vai trò, chức năng và ý nghĩa của các công trình cụ thể ở hai hoàng cung đa số là giống nhau. Chẳng hạn Ngọ Môn (cổng chính hướng về phía Nam mang ý nghĩa "Thánh nhân Nam diện xưng vương"...), điện Thái Hòa (ngôi điện lớn nhất đặt ngay vàng hoàng đế, nơi tổ chức các nghi lễ quan trọng nhất của hoàng triều...).

+ Về hình dáng, kích thước của hai hoàng cung:

Hoàng cung Bắc Kinh có hình dạng như một hình chữ nhật, chiều Bắc-Nam dài hơn chiều Đông- Tây (960x753m); còn Hoàng cung Huế cũng có hình chữ nhật nhưng chiều Nam-bắc lại ngắn hơn chiều Đông-Tây (568x640m). Về diện tích, Hoàng cung Bắc Kinh vừa vặn lớn gấp đôi Hoàng cung Huế (72ha so với 36ha). Tuy nhiên, con số

có ý nghĩa là tỷ lệ giữa các cặp cạnh của hai hoàng cung.

Tỷ lệ chiều dài (chiều Nam-Bắc/chiều Đông-Tây) của Hoàng cung Huế là $568/640m=0,8875$.

Tỷ lệ chiều dài (chiều Nam-Bắc/chiều Đông-Tây) của Hoàng cung Bắc Kinh là $960/753m=1,2750$.

+ Trong việc bố trí các công trình, cả hai hoàng cung đều dựa vào một đường xuyên qua chính giữa làm trục đối xứng cho các khu vực, các công trình kiến trúc. Ngoài ra, nguyên tắc đối xứng qua tâm cũng được triệt để áp dụng (các cổng và các góc thành có công trình bên trên và được xây hơi lồi ra vừa tạo ra các điểm nhấn, vừa tạo nên tính hướng tâm rất cao). Chính điều đó đã khiến cho quần thể kiến trúc ở cả hai hoàng cung toát lên sự dằng dỗi, vừa có vẻ quản tụt và trùng trùng điệp điệp rất hùng vĩ. Nếu mới quan sát thoáng qua trên sơ đồ hoặc trên sa bàn thì hai Hoàng cung Bắc Kinh và Huế có vẻ rất giống nhau.

Trên đây là một số điểm nổi bật về sự tương đồng và dị biệt giữa hai Kinh đô Bắc Kinh và Huế, tuy nhiên đó mới chỉ là sự biểu hiện mang tính bề mặt. Thực ra về vấn đề này đã có những nghiên cứu trước đây đề cập đến. Năm 1997, học giả người Đài Loan Hoàng Lan Tường trong một khảo cứu dài mang tên "Sơ khảo về Huế, Quốc đô của Việt Nam thế kỷ XIX" đã phân tích khá sâu cách quy hoạch bố trí của Kinh thành Huế, và ông đã nêu bật một số đặc điểm sau:

- 1 - Hoàng thành được bố trí lệch về phía Nam
- 2 - Vòng tường Kinh thành sử dụng hình thức thành quân sự Vauban
- 3 - Cách phối trí thể hiện sự trọng thị tổ tiên

4 - Kế thừa và biến hóa cách phối trí truyền thống của thành cổ Trung Quốc

Về cơ bản tôi nhất trí với cách phân tích này, nhưng tôi muốn từ một góc độ khác để phân tích nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng và dị biệt này. Tuy nhiên, do kiến thức có hạn, tôi rất mong được các nhà nghiên cứu chỉ giáo thêm.

III. Các nguyên nhân giống và khác nhau của sự bài trí các Kinh đô

1. Tư tưởng chi phối kiến trúc

Như chúng ta đã biết, tại các nước trong vùng văn hóa Nho giáo, các công trình kiến trúc, đặc biệt là kiến trúc cung điện đều chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho gia, của thuyết Âm Dương Ngũ Hành, của thuật phong thủy, của truyền thống kiến trúc và nhiều yếu tố khác.

Tư tưởng Nho giáo luôn dùng chữ Lễ để chế ngự mọi hoạt động. Nhà Nho quan niệm: "Đạo đức nhân nghĩa, phi lễ bất thành; giáo huấn chính tục, phi lễ bất bị; phân tranh biện tụng, phi lễ bất quyết; Quân thần, thượng hạ, phu tử, huynh đệ, phi lễ bất định" (Lễ Kí). Bởi vậy, mọi quy phạm, chế định về đạo đức nhân nghĩa đều do chữ Lễ chi phối. Trong kiến trúc, đặc biệt là kiến trúc cung đình, sự chi phối của chữ Lễ cũng hết sức rõ nét. Đọc bộ Lễ Kí chúng ta sẽ gặp không ít những quy định, định chế liên quan đến kiến trúc. Và chính những quy định này đã làm nên những khác biệt và "chế độ đẳng cấp" trong kiến trúc. Ví như trong việc xây dựng thành trì, trong phần Khảo Công kí của sách Chu Lễ có sự phân chia rất rõ 3 loại thành: Vương thành của Thiên tử, Đô thành của Chư hầu và Tông thất cùng Đô thành của Khanh đại phu. Cụ thể như sau:

"Vương cung môn a chi chế ngũ trĩ, cung ngẫu chi chế thất trĩ, thành ngẫu chi chế cửu trĩ. Kinh đồ cửu quỹ, dã đồ ngũ quỹ.

Môn a chi chế, dĩ vi đô thành chi chế. Cung ngẫu chi chế, dĩ vi chư hầu chi thành chế. Hoàn đồ dĩ vi chư hầu kinh đồ, dã đồ dĩ vi đô kinh đồ" (Chu Lễ-Khảo Công kí, đệ lục).

Có nghĩa là, thành lâu của Vương thành cao 9 trĩ (mỗi trĩ là một trượng, tức cao 9 trượng), thành lâu của Chư hầu thì lấy theo quy chế cung ngẫu của Vương thành, tức cao 7 trượng, thành lâu Đô thành của Tông thất thì lấy theo quy chế môn a của Vương thành, chỉ có thể cao 5 trượng. Kinh đồ của Vương thành tức trục đường Nam-Bắc của nó rộng 9 quỹ (quỹ tức cái trục xe, tức Kinh đồ rộng tương đương bề ngang 9 chiếc xe). Kinh đồ của Đô thành Chư hầu rộng tương đương với đường bao quanh của Vương thành, tức rộng 7 quỹ. Còn Kinh đồ của Đô thành Tông thất chỉ tương đương con đường ở ngoại thành của Vương thành, tức chỉ rộng 5 quỹ.

Lễ Kí cũng căn cứ vào đẳng cấp xã hội để quy định rõ cung thất cao thấp, trang trí nhiều ít, lãng tẩm mộ phần to nhỏ như sau:

"Căn cứ vào Lễ thì càng cao to càng quý, nhà của Thiên tử cao 9 thước, nhà chư hầu cao 7 thước, của Đại phu cao 5 thước, của sĩ dân cao 3 thước".

Đến thời Minh, việc quy định lại càng chặt chẽ, sách *Minh Hội điển* (tức Khâm định Đại Minh hội điển sự lệ) nói rõ:

(Phủ của) Công hầu, tiền sảnh 7 gian hoặc 5 gian, trung đường 7 gian, hậu đường 7 gian; quan nhất phẩm nhị phẩm, tiền sảnh 5 gian 9 xà; quan tam phẩm đến ngũ phẩm, hậu đường 5 gian 7 xà; quan lục phẩm đến cửu phẩm, sảnh đường 3 gian 7 xà"(3).

Ngoài sự qui định về quy mô công trình, *Minh Hội điển* còn quy định rõ kiểu thức bộ mái, mức độ trang trí của từng loại công trình ứng với phẩm cấp vị trí xã hội của chủ nhân và vị trí của công trình đó trên thực địa.

Nhìn chung về sự chi phối của chữ Lễ của Nho giáo nói trên thì trong kiến trúc Cung điện Bắc Kinh hay Cung điện Huế đều thể hiện rất rõ, tuy nhiên mức độ chi phối thì có khác nhau.

Ở Cung điện Bắc Kinh, sự quy định mang tính đẳng cấp là cực kỳ rõ rệt.

Trên trục trung tâm của Tử Cấm thành-tức Hoàng cung Bắc Kinh, quy chế "tam triều ngũ môn"(3 lần sân chầu, 5 lần cửa) được thể hiện rất rõ: Bắt đầu từ Thờ Thiên Môn đến Thiên An Môn-Đoan Môn-Ngo Môn-Thái Hòa Môn, 5 chiếc cửa sừng sững uy nghi, đều gồm 9 gian dàn thành một hàng như chữ Nhất, biểu thị quyền lực tuyệt đối của bậc "Cửu ngũ chí tôn" - tức hoàng đế. Cũng trên trục trung tâm này, tất cả các cung điện đều sử dụng hình thức mái trùng diêm vũ điện, hình thức cao quý nhất trong các kiểu mái cung điện Trung Quốc (4).

Còn ở Kinh đô Huế, các quy chế cung điện cho hoàng đế cũng khá chặt chẽ trên trục trung tâm của hoàng cung nhưng sự phân biệt đẳng cấp không thật rõ. Mở đầu của trục này tuy cũng có Ngọ Môn "năm cửa chín lầu" (tức cũng là Cửu Ngũ) nhưng không có "tam triều ngũ môn" mà chỉ có "nhị triều nhị môn" (ngoài Ngọ Môn chỉ có thêm cửa chính của Tử Cấm thành là Đại Cung Môn). Ngoài ra, kiểu cấu trúc nhà kép "trùng thiềm điệp ốc", mái lợp ngói hoàng lưu li như điện Thái Hòa tuy được sử dụng không phổ biến lắm nhưng vẫn có thể thấy ở không ít công trình như Thế Miếu, Thái Miếu, điện Phụng Tiên, cung Diên Thọ, điện Long An vv... Điều đó cho thấy ở Việt Nam, vị thế của hoàng đế có vẻ gần gũi với dân gian hơn.

2. Ảnh hưởng của học thuyết "Âm Dương Ngũ Hành"

Bên cạnh sự chi phối chặt chẽ của chữ Lễ, Nho giáo là ảnh hưởng sâu sắc của thuyết Âm Dương Ngũ Hành.

Âm Dương Ngũ Hành là một dạng thể giới quan-vũ trụ quan của phương Đông thời cổ, nguyên được hợp nhất từ 2 học thuyết: Thuyết Âm Dương và thuyết Ngũ Hành.

Thuyết Âm Dương quan niệm vạn vật đều phân ra làm 2 yếu tố Âm - Dương: về giới tính thì nam Dương, nữ Âm; về thời gian thì ngày Dương, đêm Âm; về số học thì số lẻ là Dương, số chẵn là Âm; về phương vị thì phía trước là Dương, phía sau là Âm...

Thuyết Ngũ Hành thì cho rằng vũ trụ được cấu thành bởi 5 yếu tố: Mộc, kim, hỏa, thủy, thổ và mọi yếu tố khác đều chịu sự chi phối của con số 5 huyền diệu này. ứng với Ngũ Hành là Ngũ phương: Đông-Tây-Nam-Bắc-Trung ương; Ngũ tinh: Đông quan-Tây quan-Nam quan-Bắc quan-Trung quan; Ngũ sắc: xanh-trắng-đỏ-đen-vàng; Ngũ âm: cung-thương-giốc-chủy-vũ.vv..

Chính thuyết Âm Dương Ngũ Hành này đã quy định vị trí cung điện của hoàng đế luôn phải đặt ở vị trí trung tâm-với hàm nghĩa trung tâm của vũ trụ - và tất cả các công trình khác phải vây xung quanh nó (5)

Cũng theo Âm Dương Ngũ hành nên khu cung điện dành cho nghi lễ của hoàng đế phải đặt ra phía trước-gọi là khu Ngoại triều, khu vực dành cho hậu phi và sinh hoạt riêng thì đặt ra sau-gọi là khu Hậu tam (hay Nội đình). Quy chế "Tiền triều Hậu tam" như trên thì cả Cung điện Bắc Kinh và Huế đều áp dụng, nhưng cách áp dụng thì cũng không giống nhau.

Ở Cung điện Bắc Kinh, khu Tiền triều gồm 3 cung điện lớn-thường gọi là "Tiền tam đại điện" - là Thái Hòa, Trung Hòa và Bảo Hòa - được bố trí ngay bên trong Tử Cấm thành và đặt ở phía trước. Khu vực này hình chữ nhật, kích thước 437mx234m. Khu Hậu tam chủ yếu cũng gồm "hậu tam cung" là cung Càn Thanh, cung Giao Thái

và cung Khôn Ninh (hai bên còn có Đông Tây Lục viện, Đông Tây Lục sở). Cung nằm trong khuôn viên hình chữ nhật, kích thước 218m x 118m, nhưng diện tích khu Hậu tẩm chỉ bằng 1/4 diện tích của khu Tiên triều, tức là kích thước cả bề dọc và bề ngang của khu Hậu tẩm chỉ vừa vận bằng nửa bề dọc và bề ngang của khu Tiên triều.

Cách bố cục như trên cho thấy, ở Kinh đô Bắc Kinh, phần Ngoại triều-tức yếu tố "dương" được coi trọng hơn rất nhiều và có vẻ lấn át so với phần Nội đình-tức yếu tố "âm" (6).

Còn ở Kinh đô Huế, khu Ngoại triều nằm ở bên ngoài Tử Cấm thành-tính từ Ngọ Môn đến hết diện Thái Hòa (7), chỉ gồm 1 ngôi điện duy nhất - tức số lẻ, số dương - nhưng lại có đến 4 miếu thờ tổ đặt ở 2 bên (Triệu Miếu, Hưng Miếu, Thái Miếu và Thế Miếu). Nếu không tính khu vực 4 miếu thờ, thì kích thước khu vực này không lớn lắm, khoảng 72 trượng (8) x 60 trượng (305m x 254m). Kích thước này thậm chí còn nhỏ hơn khu Nội đình hay Hậu tẩm-được *Đại Nam nhất thống chí* tính là bao gồm cả Tử Cấm thành, với kích thước khoảng 81 trượng x 72 trượng (343,5m x 305m). Khu Tử Cấm thành hay Nội đình của Kinh đô Huế gồm 2 cung là Cung Càn Thành và Cung Khôn Thái-tức đúng theo số chẵn, số âm.

Như vậy, xem ra cách bố trí của Cung điện Huế tương quan giữa 2 yếu tố Âm-Dương có vẻ cân bằng hơn (xem sơ đồ 2). Cấu trúc Tiên triều-Hậu tẩm của Cung điện Huế cũng theo kiểu "tiên nhất điện, hậu nhị cung" chứ không phải kiểu "tiên tam điện hậu tam cung" của Cung điện Bắc Kinh.

3. Ảnh hưởng của truyền thống kiến trúc.

Về cách bố trí cung điện, ngoài sự chi phối của tư tưởng lễ giáo và thuyết Âm Dương Ngũ Hành còn chịu ảnh hưởng sâu sắc của truyền thống kiến trúc.

Theo tác giả cuốn *Trung Quốc cổ kiến trúc thập nhị giảng*, ở cách bố trí Cung điện Bắc Kinh, truyền thống "hóa gia vi quốc" được thể hiện rất rõ. Người ta lấy phần Nội đình-vốn được xem là ngôi nhà của hoàng đế-làm chuẩn mực để kiến tạo hoàng cung. Bởi vậy, phần Ngoại triều chính là hình ảnh của Nội đình nhưng nhân 4 lần lên về qui mô; hay nếu cung Càn Thành là tâm điểm của khu Nội đình thì diện Thái Hòa là tâm điểm của Ngoại triều. Ngoài ra, cách bố trí phần Ngự uyển ở phía sau cũng biểu hiện sự ảnh hưởng của truyền thống kiến trúc Trung Quốc. Tuy nhiên, cần chú ý rằng, chữ "gia" trong "hóa gia vi quốc" này là ngôi nhà của hoàng đế, là kiến trúc cung đình với đẳng cấp rất cao chứ không phải là kiến trúc dân gian của Trung Hoa.

Ở Huế, cách bài trí cung điện cũng biểu hiện rất rõ truyền thống kiến trúc Việt nhưng là với vẻ bình dị gần gũi với kiến trúc dân gian, chứ không đẳng cấp và xa cách kiến trúc dân gian như cung điện Bắc Kinh. Quan sát sơ đồ Hoàng thành - Tử Cấm thành Huế, ta thấy sự bố trí các khu vực dường như mang hình ảnh cách bài trí của một ngôi nhà Rường của Huế. Cũng là kiểu bố trí dành phần phía trước và phần trung tâm làm nơi đón khách và thực hiện các nghi lễ, tín ngưỡng; phần phía sau và hai bên dành làm nơi sinh hoạt cho chủ nhân và gia đình, trong đó bên Hữu-phía Tây dành cho nữ giới, bên Tả-phía Đông dành cho nam giới (9).

Điều đặc biệt hơn trong cách bài trí kiến trúc Huế là việc đặt chiếc hồ Thái Dịch ngay sau cửa Ngọ môn, cửa chính của Hoàng thành. Đây là một hiện tượng đặc biệt và chưa hề thấy trong lịch sử kiến trúc Trung Quốc. Hoàng Lan Tường, một nhà nghiên cứu lịch sử kiến trúc người Đài Loan-cũng là một người Hán chính gốc, đã thừa nhận rằng, đây là cách phối trí độc đáo và hoàn toàn theo truyền thống kiến trúc Việt.

Nhưng đâu là nhân tố cơ bản làm nên sự khác nhau giữa kiến trúc truyền thống Việt Nam và kiến trúc Trung Quốc? Theo chúng tôi chính là sự khác nhau trong phương pháp tư duy và cách ứng xử với thiên nhiên của người Việt và người Hán.

Về phương pháp tư duy, người Việt khác hẳn người Hán do sử dụng hệ thước đo-một thứ công cụ hết sức quan trọng để tư duy-có giá trị rất khác nhau dù về tên gọi có vẻ như hoàn toàn giống nhau (đều là lý-thước-thước-tác-phân-ly...). Cây thước mà người thợ mộc Trung Hoa dùng để thiết kế và bố trí Cung điện Bắc Kinh thời Minh, Thanh có giá trị tương đương 32cm; còn cây thước mà người thợ Việt Nam dùng để thiết kế và bố trí Cung điện Huế thời Nguyễn có giá trị đến 42,4cm! (10) Chính sự khác nhau này đã dẫn đến những tỉ lệ khác nhau trong cách bài trí và bố cục các công trình.

Còn cách ứng xử với thiên nhiên của kiến trúc cung điện Việt Nam và Trung Quốc cũng có những điểm khác nhau. Kiến trúc cung điện Việt Nam mà tiêu biểu là ở Huế luôn có quy mô và chiếm tỉ lệ khá khiêm tốn so với các yếu tố tự nhiên xung quanh, luôn tìm cách hòa hợp với thiên nhiên chứ không tìm cách "vượt lên" như kiến trúc cung điện Trung Hoa-luôn có quy mô to lớn với vẻ phổ trương hùng vĩ. Quan

sát ở khu Ngoại triều của 2 Hoàng cung Huế và Bắc Kinh thì chúng ta sẽ nhận ngay ra điều này. Ngoại triều của hoàng cung Bắc Kinh chỉ có tam đại điện sừng sững uy nghi trên một nền dài 3 cấp cao đến 8,5m; riêng điện Thái Hòa có tổng chiều cao đến 35m. Trong khu vực này tuyệt nhiên không có chỗ cho cây xanh và các yếu tố thiên nhiên (thậm chí không có cả cỏ!). Còn ở Ngoại triều ở Hoàng cung Huế, không chỉ có nhiều cây xanh, hoa cỏ mà còn có cả hồ Thái Dịch với mặt nước thả hoa sen; điện Thái Hòa thì quy mô không to hơn một ngôi đình làng cỡ lớn, đặt trên một bệ dài tam cấp có chiều cao chưa đến 2,5m, và chiều cao của điện tính đến đỉnh nóc vẫn chưa đến 13m... Tất cả tạo nên một không gian tuy có uy nghiêm nhưng vẫn khá gần gũi và tự nhiên.

Ở phần hậu uyển, tuy cả 2 hoàng cung đều đặt khu vườn ngự ở phía sau nhưng ở Hoàng cung Huế, không chỉ có 1 mà có đến 4,5 khu vườn, chiếm gần 1/4 tổng diện tích toàn khu vực (11), tức tỉ lệ lớn hơn nhiều so với Hoàng cung Bắc Kinh. Hơn nữa, các ngự uyển của Huế đều không có vẻ vuông vắn mà thường có hình dáng tự nhiên tùy theo khu đất, lại luôn gắn với diện tích mặt nước rất rộng, nên luôn tràn đầy vẻ tươi mát tự nhiên. Chính khu vực kiến trúc mang đầy chất thiên nhiên này đã làm cho Hoàng cung Huế tuy có quy mô nhỏ chỉ bằng 1/2 Tử Cấm thành Bắc Kinh (36ha so với 72ha) nhưng vẫn đầy vẻ khoáng đạt và đặc biệt không gian ấy thật thanh bình.

*

Có thể nói sự tương đồng và dị biệt giữa Cung điện Bắc Kinh và Cung điện Huế rất nhiều, nguyên nhân dẫn đến những đặc điểm này cũng không ít. Nhưng chúng tôi cho rằng nguyên nhân quan trọng nhất là do truyền thống văn hóa dân tộc tạo nên;

nói một cách cụ thể hơn thì, chính truyền thống kiến trúc đã làm nên sự khác biệt cơ bản trong cách bố cục cung điện của Bắc Kinh và Huế. Và sự khác biệt ấy cơ bản là do sự khác biệt trong phương pháp tư duy, trong cách ứng xử với thiên nhiên, hay nói cho cùng là do cá tính dân tộc tạo nên.

CHÚ THÍCH

(1). Cung điện Bắc Kinh và Cung điện Huế đều đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa thế giới vào các năm 1987 và 1993. Tuy nhiên, Huế không chỉ có kinh thành mà cả một quần thể được ghi chung vào Danh mục này, như các khu lăng vua, chùa Thiên Mụ...

(2). *Trung Quốc Đại Bách khoa toàn thư*, Mỹ thuật. Trung Quốc Bách khoa toàn thư xuất bản xã, Bắc Kinh-Thượng Hải, năm 1991 (Bản Trung văn).

(3). Sách *Đại Nam thực lục* có ghi rằng, trong khoảng thời gian từ 1802-1820, triều Nguyễn đã nhiều lần cử sứ giả sang Trung Quốc cầu phong và xây dựng mối quan hệ giao hảo; chắc chắn là những chuyến đi này còn có mục đích tham khảo và học tập kinh nghiệm xây dựng kinh đô Trung Quốc.

(4). Hoàng Lan Tường, *Sơ khảo về Huế, quốc đô Việt Nam thế kỷ XIX*. Văn Sử Triết học báo, kỳ 48. Bản Trung văn.

(5). Chu Lễ-Lễ Kí, dẫn theo sách *Trung Quốc cổ kiến trúc thập nhị giảng*. Tháp Đồ Trần tàng bản. Bắc Kinh, 2000. Bản tiếng Hoa. Tr. 37-38.

(6). Nguyên Trung quan ở thượng giới có 3 khu vực: Thượng viên thái điện, Trung viên tử huy và Hạ viên thiên đế. Như vậy, vị trí trung tâm của vũ trụ là Trung viên tử huy, vì thế cung điện của hoàng đế phải đặt ở vị trí trung tâm và thường gắn với chữ "tử". Như cung Vị Ương thời Hán gọi là cung Tử Huy, cung thành thời Minh, Thanh gọi là Tử Cấm thành. Ở Việt Nam, cung điện của hoàng đế cũng gọi là Tử Cấm thành.

Cũng vì thế, nếu chỉ nhìn về hình thức bề ngoài thì bố cục Cung điện Bắc Kinh và Huế có vẻ tương tự nhau nhưng kỹ thực, càng phân tích lại càng thấy chúng rất khác nhau. Đây chính là vấn đề mà chúng tôi hi vọng các học giả sẽ tiếp tục nghiên cứu và phân tích sâu sắc hơn.

(7). Học giả Truyền Hy Niên trong một khảo cứu phân tích cách bố cục của Cung điện Bắc Kinh đã nói rất rõ về điều này. Bài viết cũng sử dụng một sơ đồ phân tích của học giả trong bài viết trên (Quan vu Minh đại cung điện dân miếu đẳng đại kiến trúc quần tổng thể quy hoạch).

(8). Phần Ngoại triều của Hoàng cung Bắc Kinh gồm tam đại điện tức bố trí theo số lẻ-số Dương. Nguyên phần Hậu tẩm cũng chỉ có nhị cung là cung Càn Thanh và Khôn Ninh, tức bố trí theo số chẵn-số Âm, nhưng về sau lại xây thêm cung Giao Thái ở giữa hai cung trên. Cách bố trí này càng cho thấy sự lấn át của yếu tố "Dương" trong kiến trúc cung điện Bắc Kinh.

(9). Sách *Đại Nam nhất thống chí* của triều Nguyễn ghi rõ rằng, Nội đình hay Đại Nội được tính gồm cả Tử Cấm thành với 2 cung: cung Càn Thành, tính từ điện Trung Hòa (tức điện Càn Thành) ra phía trước đến Đại Cung môn; cung Khôn Thái, tính từ sau điện Trung Hòa ra phía sau. (Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*- Kinh Sư. Bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo. Sài Gòn, 1960, tr. 22.

(10). Xem sơ đồ mặt bằng Hoàng thành Huế chúng ta cũng sẽ thấy cách bố trí tương tự: Khu phía trước, trung tâm và 2 bên là khu nghi lễ và miếu thờ; Khu trung tâm lùi ra phía sau là nơi sinh hoạt của hoàng đế và gia đình (tức Tử Cấm thành), khu phía Tây là cung điện của thái hậu, thái hoàng thái hậu; Khu phía Đông là nơi nghỉ ngơi, sinh hoạt của hoàng đế, hoàng tử (vườn Cơ Hạ, Hậu Hồ) và kho tàng của hoàng gia.

(Xem tiếp trang 56)

Fanariot Hy Lạp hay Hy Lạp hoá được làm vua tới 54 lần, với tổng số là 151 năm, thì các gia đình gốc Hy Lạp đã Rumani hoá thì chỉ có 16 lần được làm vua, với tổng số năm là 47 (chiếm khoảng 23 %) (Dẫn theo, Dan Berindei, *Sđđ*, Tr. 6).

(10). Vào cuối năm 1730, để có thể trở thành vua của Valahia, ứng cử viên Constantin Mavrocordat phải mất một khoản là 2000 túi tiền (1000.000 lei - tiền Rumani) (Dẫn theo, *Lịch sử dân tộc Rumani*, tập IV, NXB. Bách khoa toàn thư, Bucareti, 2002, Tr. 451, tiếng Rumani).

(11). Ví dụ, trường hợp các vua Nicolae Mavrogheni và Constantin Hangerli ở Valahia hay vua Grigore III Ghica ở Moldova (Dẫn theo, Dan Berindei, *Sđđ*, Tr. 6).

(12) Chiến tranh Nga - Thổ năm 1711, 1768 - 1769; Chiến tranh Áo - Thổ năm 1716 - 1718; Chiến tranh Nga - Áo - Thổ trong những năm 1736 - 1739, 1787 - 1792...

(13), (14). Kurt W. Treptow (chủ biên), *Lịch sử Rumani (A history of Romania)*, Trung tâm Nghiên cứu Rumani, Iasi, 1997, Tr. 221; Tr. 205 (tiếng Anh).

(15). Constantin Mavrocordat (1711 - 1769) là con của cựu vua Nicolae Mavrocordat, nắm quyền cai trị luân chuyển giữa hai công quốc Rumani (6 lần ở Valahia trong những năm 1730; 1731 - 1733; 1735 - 1741; 1744 - 1748; 1756 - 1758 và 4 lần ở Moldova trong những năm 1733 - 1735; 1741 - 1743; 1748 - 1749; 1769), là người cai trị theo tinh thần của "quản chủ chuyên chế sáng suốt".

Ông khởi xướng một chương trình cải cách rộng rãi trong các lĩnh vực như: hành chính, thuế, xã hội (xóa bỏ chế độ nông nô ở Valahia năm 1746 và ở Moldova năm 1749). Mavrocordat là người trung thành với quyền lợi của đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, chống lại tham vọng bành trướng của đế quốc Nga và đế quốc Áo ở các công quốc Rumani. Ông cũng là người khuyến khích sự phát triển giáo dục, cho thành lập Viện Hàn lâm ở các thủ đô Iasi và Bucaret và rất nhiều trường học ở hai công quốc, ông còn cho xây dựng các xưởng in báo. Ông bị bắt làm tù binh trong cuộc Chiến tranh Nga - Thổ (1768 - 1769). Ông mất tại Iasi ngày 23 tháng 11 năm 1769 (Dẫn theo, Kurt W. Treptow, *Sđđ*, Tr. 209).

(17). Điển hình là Constantin Mavrocordat có tới 10 lần làm vua (6 lần ở Valahia và 4 lần ở Moldova); Grigore II Ghica có 6 lần (4 lần ở Valahia và 2 lần ở Moldova); Nicolae Mavrocordat và Alexandru Moruzi mỗi người đều 4 lần (2 lần ở Valahia và 2 lần ở Moldova). Đáng chú ý là trong số 31 người làm vua Fanariot, có 13 người được luân chuyển làm vua ở hai công quốc (Dẫn theo, Dan Beridei, *Sđđ*, Tr. 7 - 8).

(19). Theo tôi, sự chống đối này bắt nguồn từ mâu thuẫn về quyền lợi chính trị, bởi lẽ kể từ khi chế độ Fanariot được thiết lập, giới quý tộc địa chủ Rumani đã bị loại ra khỏi cuộc tranh đua nhằm giành giật ngai vàng của đất nước. Hơn thế, họ chỉ còn là công cụ phục vụ cho tham vọng bóc lột và vơ vét của các thế lực ngoại bang.

(20). *Lịch sử Rumani*, tập III, Bucareti, 1964, Tr. 340 (tiếng Rumani).

BẢN SẮC VĂN HÓA TRUNG HOÀ VÀ VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 49)

(11). Dưới thời Nguyễn, hệ thước mộc và thước đo độ dài của người Việt có giá trị tương đương 42,4cm và tính theo hệ thập phân (1 thước = 10 xích-hay thước = 100 phân = 1000 ly...). Xin xem thêm Phan Thanh Hải, Hệ thống thước đo Việt Nam thời Nguyễn. Tạp chí Nghiên cứu Huế, số 5(2003).

(12). Các khu vườn ngự đó là: vườn Thiệu Phương, Ngự Viên (nằm trong Tử Cấm thành),

vườn Cơ Hạ, Hậu Hồ - hay Doanh Châu - và cung Trường Ninh (nằm trong Hoàng thành). Tổng diện tích các khu vườn ngự uyển này lên tới hơn 88.000m², so với tổng diện tích Hoàng thành. Tử Cấm thành là 36.000m² thì chiếm đến gần 1/4, xem thêm Phan Thanh Hải, Vườn Ngự-dạng hoa viên quý tộc của Huế xưa, trong *Dấu ấn Nguyễn trong văn hoá Phú Xuân*. Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2002.